

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12 -7- 2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

2. Bà Đỗ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 266/6/1, đường Y, tổ 20, khu phố 2, phường H, thành phố M, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lý Thị Th, sinh năm 1961; nơi cư trú cuối cùng: Số 266/6/1, đường Y, tổ 20, khu phố 2, phường H, thành phố M, tỉnh B (đã bị Tòa án nhân dân thành phố M tuyên bố mất tích theo quyết định số 17/2022/QĐST-DS ngày 16/12/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Th tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 05/8/1992. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông T, tuy nhiên vào thời điểm đó ông T đang bị tạm

giám để điều tra về việc đánh nhau. Đến tháng 5/2003, ông T được trả tự do về nhà thì bà Th đã bỏ nhà đi đâu không rõ. Từ đó đến nay, ông T không biết bà Th sinh sống ở đâu. Ông T đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả nên ông T đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Th mất tích và bà Th đã được tuyên bố mất tích theo Quyết định số 17/2022/QĐST-DS, ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M. Do bà Th đã mất tích và tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Th.

- Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng không có con chung.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh B tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Lý Thị Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 05/8/1992 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Ông T yêu cầu ly hôn với bà Th với lý do bà Th đã mất tích theo quyết định số 17/2022/QĐST-DS ngày 16/12/2022 Tòa án nhân dân thành phố M đã tuyên bố bà Th mất tích nên lời trình bày của ông T là có căn cứ.

[3] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt nhưng bà Th mất tích trong nhiều năm nên việc ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Ông T đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên Tòa án chấp nhận đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí của ông Nguyễn Ngọc T. Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn bà Lý Thị Th về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T được ly hôn với bà Lý Thị Th.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Ông Tuấn đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên Tòa án chấp nhận đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí của ông Nguyễn Ngọc T. Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- UBND P.H, TP.M, B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thủ Dầu Một, ngày 12 tháng 7 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng

2. Bà Đỗ Thị Thu Hà.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi giờ phút ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Ly hôn”, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 266/6/1, đường Yersin, tổ 20, khu phố 2, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Lý Thị Thương, sinh năm 1961; nơi cư trú cuối cùng: Số 266/6/1, đường Yersin, tổ 20, khu phố 2, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tuyên bố mất tích theo quyết định số 17/2022/QĐST-DS ngày 16/12/2022).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ; sau khi thảo luận, thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất các vấn đề sau:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Tuấn đối với bị đơn bà Lý Thị Thương về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn được ly hôn với bà Lý Thị Thương.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Ông Tuấn đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên Tòa án chấp nhận đơn xin miễn nộp tạm

ứng án phí, án phí của ông Nguyễn Ngọc Tuấn. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

